

QUY ĐỊNH

Quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ; khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ theo Điều 20 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải tuân thủ theo quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn trừ trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trên địa bàn từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên, các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi chưa nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 3. Nội dung quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Thực hiện đúng quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Việc bảo trì dấu hiệu nhận biết thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT.

2. Việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP. Việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20, Điều 35, Điều 36 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

4. Hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

a) Việc quản lý vận hành các công trình sau đây được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật; và được thực hiện theo mẫu hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ban hành kèm Thông tư số 03/2013/TT-BXD ban hành Mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Việc sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện thông qua hợp đồng được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng bao gồm: Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật, cống ngầm và cầu đường bộ; và được thực hiện theo mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật ban hành kèm Thông tư số 03/2013/TT-BXD.

Điều 4. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Nguyên tắc xác định giá và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo pháp luật về Luật Giá số 16/2023/QH15; khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP; khoản 3 Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 27 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý tại Điều 2 Quy định này là chủ sở hữu đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trên địa bàn từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì chủ sở hữu sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

2. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao cho đơn vị quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định cụ thể tại Điều 19 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất danh mục các tuyến đường trong đô thị cần đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 7. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Xác định hướng tuyến, số lượng, vị trí, quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các đề án quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở thực hiện phù hợp với định hướng phát triển và kế hoạch của địa phương.

3. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc khi triển khai các dự án liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến biết, phối hợp thực hiện di dời hoặc đầu tư xây dựng mới cho đồng bộ; cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Xem xét chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

5. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng phải thực hiện duy tu, bảo trì theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Điều 19 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP đối với việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp./.